

Bản án số: 23/2022/HS-ST
Ngày: 22 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Kỳ và ông Ngô Đức Bi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Trọng Đức Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2022/TLST-HS ngày 25/02/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS ngày 24/3/2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Thị T; tên gọi khác: Bé; sinh ngày 01/7/1979, tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần B và bà Trần Thị T; Có chồng là Nguyễn Đức Thiện P và có 04 người con; tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

2. Lê Thị S; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/10/1959 tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T (Đã chết) và bà Võ Thị T (Đã chết); Có chồng là Nguyễn Văn T1 và có 3 người con; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2021 đến ngày 24/9/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

3. Lê Thị N; tên gọi khác: không có; sinh ngày 12/5/1968 tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê L (Đã chết) và bà Hồ Thị D (Đã chết); Có chồng là Nguyễn P và có 4 người con; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2021 đến ngày 24/9/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

4. Huỳnh Thị T; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 11/9/1973, tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Huỳnh Văn V (Đã chết) và bà Tôn Nữ Thị T (Đã chết), Có chồng là Lê Văn T và có 2 người con; tiền án: Có 01 tiền án (Ngày 04/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000 đồng (Bản án số 27/2019/HSST, ngày 04/7/2019), bị cáo chấp hành xong hình phạt bổ sung vào ngày 01/10/2021); tiền sự: không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/9/2021 đến ngày 17/11/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Có mặt.

5. Lê Thị Song S; tên gọi khác: Không; sinh ngày 25/8/1997 tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình K và Nguyễn Thị Cẩm N; Có chồng là Trần Văn L và có 2 người con; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

6. Nguyễn Thị Cẩm N; tên gọi khác: không; sinh ngày 11/7/1969, tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T (chết) và Bà Tôn Nữ Thị L; Có chồng là Lê Đình K và có 3 người con; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2021 đến ngày 24/9/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

7. Lê Thị H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 18/3/1979, tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình Q và Bạch Thị C; Có chồng là Nguyễn Đức T và có 4 người con; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2021 đến ngày 24/9/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

8. Võ Thị L; tên gọi khác: Võ Thị Khánh L; sinh ngày 24/3/1989, tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Đại L và bà Phan Thị N; Có chồng là Bùi Công Q và có 2 người con; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Đình K, sinh năm 1970. Trú tại: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh T. Có mặt

2. Ông Nguyễn Đức Thiện P, sinh năm 1976. Trú tại: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh T. Vắng mặt

3. Ông Nguyễn P, sinh năm 1965. Trú tại: Thôn Q, xã L, huyện P, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 19/9/2021, Lê Thị S, Huỳnh Thị T, Lê Thị H, Lê Thị N, Trần Thị T, Lê Thị Song S và Võ Thị L đến quán cà phê Euro của vợ chồng bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N ở thôn H, xã L, huyện P, tỉnh T để uống cà phê. Lúc này chồng của bị cáo N là ông Lê Đình K đi vắng. Các bị cáo S, Thảo, H, Ng, T, S, L, N cùng nhau thống nhất sử dụng nhà của vợ chồng bị cáo N để đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức “Xì lát”. Nguyễn Thị Cẩm N lấy các dụng cụ dùng để đánh bạc như: bài tú lơ khơ, chắn vãi, đĩa sứ có sẵn trong quán để những người trên tham gia đánh bạc. Khoảng 13 giờ 10 phút cùng ngày thì bị Công an xã L, huyện P bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 8.650.000 đồng cùng các dụng cụ phục vụ cho việc đánh bạc. Khi Công an xã L bắt quả tang, Võ Thị L đã bỏ chạy khỏi hiện trường. Đến ngày 23/9/2021, bị cáo L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đầu thú.

Cách thức đánh bạc bằng hình thức “Xì lát” thống nhất như sau: Mỗi người chơi thay phiên nhau làm cái 03 ván, sau đó chuyển cho người khác. Nhà cái dùng 52 quân bài tú lơ khơ chia cho những người chơi 02 quân bài (kể cả nhà cái), người chơi đặt cược tiền theo mỗi ván. Người chơi tùy vào điểm số của các quân bài để bốc bài để đạt được tổng điểm từ các quân bài từ 16 điểm đến tối đa là 21 điểm; không được vượt qua 21 điểm, nếu vượt qua thì gọi là bù (oát). Người chơi sẽ được bốc thêm tối đa 03 quân bài. Mỗi người chơi sẽ tùy vào điểm số của mình để bốc bài hoặc dừng lại để người khác bốc bài. Nhà cái sẽ bốc cuối cùng và tùy vào điểm số để kiểm bài (khui) những người chơi. Nhà cái sẽ thắng tiền nếu người chơi có tổng điểm nhỏ hơn tổng điểm nhà cái; nhà cái hòa tiền nếu bằng tổng điểm người chơi, nhà cái thua tiền nếu có tổng điểm nhỏ hơn tổng điểm người chơi. Số tiền nhà cái thắng thua tương ứng với số tiền mỗi người chơi đã đặt cược. Người chơi đặt tiền cược trước khi nhà cái chia bài, mỗi ván từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng. Số tiền cược tùy vào nhu cầu người chơi. Trong một ván đánh bạc thì số tiền thấp nhất là 140.000 đồng, cao nhất là 800.000 đồng. Ngoài ra, nhà cái và người chơi sẽ đặt tiền “cược đầu” riêng theo mỗi ván, ai có tổng điểm cao nhất sẽ thắng tất cả tiền đặt “cược đầu” của những người còn lại.

Cách tính điểm như sau: Các quân bài: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 sẽ tương ứng với số điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 điểm. Các quân bài: J, Q, K sẽ tương ứng với 10 điểm. Quân bài A (Át) sẽ tương ứng với 1 điểm, 10 điểm, 11 điểm (tùy người chơi lựa chọn). Các trường hợp đặc biệt lớn hơn 21 điểm được xếp theo thứ tự thắng thua như sau: Xếp thứ nhất là “xì bàng” gồm 2 quân bài đầu tiên đều là A (Át). Xếp thứ hai là “xì lát” gồm 2 quân bài đầu tiên là 1 quân bài A (Át) và 1 quân bài 10 (hoặc quân bài J, Q, K). Xếp thứ ba là “ngũ linh” gồm 5 quân bài có tổng điểm nhỏ hơn hoặc bằng 21 điểm. Trường hợp nhà cái cùng

người chơi đều ngũ linh, thì bên nào có tổng điểm nhỏ hơn sẽ thắng. Tiếp đến là từ 21 điểm trở xuống 16 điểm.

Số tiền mà các bị cáo sử dụng đánh bạc được xác định cụ thể như sau:

- Trần Thị T mang theo số tiền 2.400.000 đồng để đánh bạc. Lúc bị bắt quả tang, T thắng 950.000 đồng. Tất cả số tiền này T để tại chiếu bạc và bị thu giữ.

- Lê Thị S mang theo số tiền 1.250.000 đồng để đánh bạc. Lúc bị bắt quả tang, S thắng 1.450.000 đồng. Tất cả số tiền này S để tại chiếu bạc và bị thu giữ.

- Lê Thị N mang theo số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Lúc bị bắt quả tang, Ngân thua 250.000 đồng, còn lại 750.000 đồng. Số tiền này Ngân để tại chiếu bạc và bị thu giữ.

- Huỳnh Thị T mang theo số tiền 800.000 đồng để đánh bạc. Lúc bị bắt quả tang, Thảo thua 100.000 đồng, còn lại 700.000 đồng. Số tiền này Thảo để tại chiếu bạc và bị thu giữ.

- Lê Thị Song S mang theo số tiền 700.000 đồng để đánh bạc. Lúc bị bắt quả tang, S thua 650.000 đồng, còn lại 50.000 đồng. Số tiền này S để tại chiếu bạc và bị thu giữ.

- Lê Thị H mang theo số tiền 600.000 đồng để đánh bạc. Lúc bị bắt quả tang, Hoa thua 400.000 đồng, còn lại 200.000 đồng. Số tiền này Hoa để tại chiếu bạc và bị thu giữ.

- Võ Thị L mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Lúc bị bắt quả tang, L thua 450.000 đồng, còn lại 50.000 đồng. Số tiền này L để tại chiếu bạc và bị thu giữ.

- Nguyễn Thị Cẩm N mang theo số tiền 400.000 đồng để đánh bạc. Lúc bị bắt quả tang, N thua 350.000 đồng, còn lại 50.000 đồng. Số tiền này N để tại chiếu bạc và bị thu giữ.

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P đã thu giữ 02 bộ bài tứ lơ khơ có hoa văn màu xanh (mỗi bộ có 52 quân bài); 01 đĩa sứ màu trắng có hoa văn; 01 (một) chăn vải kích thước 1,8m x 2,0m, có hoa văn đã qua sử dụng; số tiền 8.650.000 đồng. 01 xe mô tô biển số 75K1-311.11 hiệu Honda SH màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 75K1-209.01 hiệu Honda AIRBLADE màu trắng đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKSPL ngày 22/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T đã truy tố các bị cáo Trần Thị T, Lê Thị S; Lê Thị N, Huỳnh Thị T, Lê Thị Song S, Lê Thị H, Võ Thị L Tên gọi khác: Võ Thị Khánh L) và Nguyễn Thị Cẩm N về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên quyết định truy tố đối với tất cả các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 36; điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Thị T, Lê Thị S, Lê Thị N, Lê Thị Song S, Lê Thị H, Võ Thị L và Nguyễn Thị Cẩm N. Bị cáo Võ Thị L được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt:

+ Bị cáo Trần Thị T từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 14 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

+ Bị cáo Lê Thị S từ 09 tháng đến 11 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 12 triệu đồng đến 13 triệu đồng.

+ Bị cáo Lê Thị N từ 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 11 triệu đồng đến 12 triệu đồng.

+ Bị cáo Lê Thị Song S từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 10 triệu đồng đến 11 triệu đồng.

+ Bị cáo Lê Thị H từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 10 triệu đồng đến 11 triệu đồng.

+ Bị cáo Võ Thị L từ 06 tháng đến 08 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 10 triệu đồng đến 11 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N từ 06 tháng đến 08 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 10 triệu đồng đến 11 triệu đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 8.650.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Trần Thị T và ông Nguyễn Đức Thiện P 01 xe mô tô biển kiểm soát 75K1- 311.11 hiệu Honda SH màu trắng đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Lê Thị N và ông Nguyễn P 01 xe mô tô biển kiểm soát 75K1- 209.01 hiệu Honda AIRBLADE màu trắng đã qua sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ có hoa văn màu xanh (mỗi bộ có 52 quân bài); 01 đĩa sứ màu trắng có hoa văn; 01 (một) chăn vải kích thước 1,8m x 2,0m, có hoa văn đã qua sử dụng.

Ý kiến và lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi của các bị cáo thấy rằng: Khoảng 13 giờ 10 phút, ngày 19/9/2021 tại nhà bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N và ông Lê Đình K ở thôn H, xã L, huyện P, tỉnh T các bị cáo Trần Thị T, Lê Thị S, Lê Thị N, Huỳnh Thị T, Lê Thị Song S, Lê Thị H, Võ Thị L và Nguyễn Thị Cẩm N đang cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh “Xì lát”, thắng thua bằng tiền thì bị Công an xã L bắt quả

tang. Tổng số tiền thu trực tiếp tại chiếu bạc, có căn cứ để xác định đó là tiền đã và sẽ được dùng để đánh bạc là: 8.650.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố đối với các bị cáo theo tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét các căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo Huỳnh Thị T có 1 tiền án nhưng chưa được xóa án tích mà còn phạm tội nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Thị T, Lê Thị S; Lê Thị N, Lê Thị Song S, Lê Thị H, Võ Thị L và Nguyễn Thị Cẩm N không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Trần Thị T, Lê Thị S, Lê Thị N, Lê Thị Song S, Lê Thị H, Võ Thị L và Nguyễn Thị Cẩm N đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Võ Thị L sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét các bị cáo là đồng phạm, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên, tính chất đồng phạm giản đơn. Xét các căn cứ quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Huỳnh Thị T có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội “Đánh bạc”, nhưng bị cáo không sửa chữa để trở thành công dân có ích cho xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Do bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với bị cáo còn lại là những người có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, cần phân hóa trách nhiệm hình sự của các bị cáo căn cứ vào số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Các bị cáo tham gia đánh bạc mục đích là muốn thu lợi bất chính nên cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự nhằm đảm bảo tác dụng phòng ngừa riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định, bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[5] Đối với ông Lê Đình K là chủ nhà, tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì ông K không có ở nhà, không chuẩn bị các dụng cụ đánh bạc, không thu lợi bất chính nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 8.650.000 đồng là tiền dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 75K1- 311.11 hiệu Honda SH màu trắng đã qua sử dụng không liên quan đến việc đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo Trần Thị T và ông Nguyễn Đức Thiện P; xe mô tô biển kiểm soát 75K1- 209.01 hiệu Honda AIRBLADE màu trắng đã qua sử dụng không liên quan đến việc đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo Lê Thị N và ông Nguyễn P. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành hình phạt bổ sung của bị cáo T và bị cáo N.

Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ có hoa văn màu xanh (mỗi bộ có 52 quân bài); 01 đĩa sứ màu trắng có hoa văn; 01 (một) chăn vải kích thước 1,8m x 2,0m, có hoa văn đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị T (tên gọi khác: Bé), Lê Thị S; Lê Thị N, Huỳnh Thị T, Lê Thị Song S, Lê Thị H, Võ Thị L (tên gọi khác: Võ Thị Khánh Linh), Nguyễn Thị Cẩm N phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T 06 (Sáu) tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/9/2021 đến ngày 17/11/2021. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Thị T, Lê Thị S; Lê Thị N, Lê Thị Song S, Lê Thị H, Võ Thị L, Nguyễn Thị Cẩm N. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Thị L, xử phạt:

+ Bị cáo Trần Thị T 11 (Mười một) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị T số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo Lê Thị S 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 19/9/2021 đến ngày 24/9/2021 là 5 ngày, được quy đổi thành 15 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Lê Thị S còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 (Tám) tháng 15 (Mười lăm) ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị S số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo Lê Thị Ngân 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 19/9/2021 đến ngày 24/9/2021 là 5 ngày, được quy đổi thành 15 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Lê Thị Ngân còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 (Tám) tháng 15 (Mười lăm) ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị N số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo Lê Thị Song S 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị Song S số tiền 11.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 19/9/2021 đến ngày 24/9/2021 là 5 ngày, được quy đổi thành 15 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo N còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 06 (Sáu) tháng 15 (Mười lăm) ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo Lê Thị H 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 19/9/2021 đến ngày 24/9/2021 là 5 ngày, được quy đổi thành 15 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo H còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 06 (Sáu) tháng 15 (Mười lăm) ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo Võ Thị L 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Võ Thị L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Lê Thị S, Lê Thị Song S, Nguyễn Thị Cẩm N, Lê Thị H, Võ Thị L cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Thị N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 8.650.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị T và ông Nguyễn Đức Thiện P 01 xe mô tô biển kiểm soát 75K1- 311.11 hiệu Honda SH màu trắng đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Lê Thị N và ông Nguyễn P 01 xe mô tô biển kiểm soát 75K1- 209.01 hiệu Honda AIRBLADE màu trắng đã qua sử dụng. Nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bị cáo T và bị cáo N đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ có hoa văn màu xanh (mỗi bộ có 52 quân bài); 01 đĩa sứ màu trắng có hoa văn; 01 (một) chăn vải kích thước 1,8m x 2,0m, có hoa văn đã qua sử dụng.

(Các vật chứng trên có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng số 19/BBVC-CCTHADS, ngày 24/02/2022, giữa Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc các bị cáo Trần Thị T, Lê Thị S; Lê Thị N, Huỳnh Thị T, Lê Thị Song S, Lê Thị H, Võ Thị L (Tên gọi khác: Võ Thị Khánh L) và Nguyễn Thị Cẩm N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh T.T.Huế;
- Sở tư pháp tỉnh T.T.Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Xuân Huế

